TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 82/2025/QĐST-HNGĐ	*Trà Cú, ngày 14 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 21tháng 3 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Kiên Bình N, sinh ngày 01/01/1994

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- Bị đơn: Chị Thạch Thị Út M, sinh ngày 01/01/1992

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào các Điều 55, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Kiên Bình N và chị Thạch Thị Út M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Kiên Bình N và chị Thạch Thị Út M thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Tên Kiên Thị Ngọc M1, sinh ngày 27/02/2014 chị M thống nhất giao anh N được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu M1 muốn sống cùng với cha), anh N không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Kiên Bình N và chị Thạch Thị Út M mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh N tự nguyện chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm thay cho chị M nên được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh N đã nộp theo biên lai thu số 0003075, ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Hoàn trả lại cho anh Kiên Bình N tiền tạm ứng án phí còn thừa bằng 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0003075, ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Sơn Thị Sô Tha